

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship G8

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Li Ang 8606870, Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960, FA Lai, Robin 6000436, FA Chuah, Jin Hai Jonathan 5700876, N/
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1017
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 7 on 2018/08/06 at 15:00

Bo.	SNo.	Name	FED	Pts	Res.	Pts	FED	Name	SNo.
1	12	Zhao Yuning	CHN	6	1:0	3	CHN	Xue Tianhao	10
2	1	Enkhuyanga Gantsolmon	MGL	4	1:0	3½	HKG	Liu Tian Yi	8
3	4	Enerel Burentsogt	MGL	4	1:0	3	MGL	Gurvanbaatar Urangoo	7
4	3	Chen Yufei	SGP	2	0:1	4	CHN	Guo Shiran	6
5	5	Erkhsaran Bayartnar	MGL	0	0:1	3	CHN	Zeng Yuxin	11
6	9	Xie Chunqing	CHN	1	0:1	2½	CHN	Cai Hanqiu	2

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI.Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh.Teufelg.39-47/7/9,
 Mail:h.herzog@swiss-manager.at,homepage <http://swiss-manager.at>, User:Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第7轮, 和台

日期 Date: 2018, 9, 16 轮次 Round: 7 台次 Board: 1
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black 薛添好 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Nf3	c5	31	Ne8	Qe8	61		
2	g3	Nc6	32	Rd8	Qa4	62		
3	d4	cd4	33	Qf7	Kc6	63		
4	Nd4	g6	34	Rb8	Qf5	64		
5	Bg2	Bg7	35	Qh7	Ks5	65		
6	Nb3	Nf6	36	Qh4*		66		
7	Qd0	Qd0	37			67		
8	c4	db	38			68		
9	Nc3	Bc6	39			69		
10	Nd5	Nd5	40			70		
11	cd5	Bd7	41			71		
12	dcb	bcb	42			72		
13	Qc2	Rc8	43			73		
14	Be3	ab	44			74		
15	R+d1	c5	45			75		
16	Bb17	Rb8	46			76		
17	Bab	Bb7	47			77		
18	Bc4	eb	48			78		
19	Bc5	Rc8	49			79		
20	Bd6	Re8	50			80		
21	Be5	ag5	51					
22	Q7	Qs7	52					
23	Rac1	Rc6	53					
24	Qe4	Rb6	54					
25	Qd4	Qg8	55					
26	Qb6	e5	56					
27	Q7	Qe8	57					
28	Nc5	Qg7	58					
29	Nd4	Qf8	59					
30	Nc6	Qs7	60					

签名 Signature:

白方 White 赵芸卿	黑方 Black 薛添好
-----------------	-----------------

裁判 Arbiter

刘自茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第7轮, 第1台

日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 1
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black 薛添好 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

组别 Group
G8女子

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Nf3	cb	31	Nc8	Qc8	61		
2	g3	Nc6	32	Rd8	Qa4	62		
3	d4	cd	33	Qd7	Kh6	63		
4	Nd4	g6	34	Rh8	Rf5	64		
5	Bc2	Bc7	35	Qh7	Kc5	65		
6	Nb3	Nf6	36	Qh4#		66		
7	O-O	O-O	37			67		
8	ch	cb	38			68		
9	Nc6	Rc6	39			69		
10	Nd5	Nd5	40			70		
11	cd	Bd7	41			71		
12	dc	bc	42			72		
13	Qc2	Rc8	43			73		
14	Bc3	cb	44			74		
15	Rfd1	cb	45			75		
16	Bb1	Rb8	46			76		
17	Bab	Bh3	47			77		
18	Bc4	e6	48			78		
19	Bc5	Rc8	49			79		
20	Bd6	Re8	50			80		
21	Bc5	Qc5	51					
22	Bc7	Kc7	52					
23	Rcd	Rc6	53					
24	Qc4	Rb6	54					
25	Qd4	Kc8	55					
26	Qb6	cb	56					
27	Qc7	Qf6	57					
28	Nc5	Qc7	58					
29	Nc4	Qf8	59					
30	Nf6	Kc7	60					

签名 Signature:

白方 White 赵芸卿	黑方 Black 薛添好
裁判 Arbiter 刘自新	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 2

白方 White: Enkhuyang 国籍 Federation: MGL 等级分 Rating: 0

黑方 Black: Liu Tianyi 国籍 Federation: H.K. 等级分 Rating: 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	ed	ed
4	Bd3	Nc6
5	c3	Qf6
6	Qf3	Be6
7	Be3	Bd6
8	Nd2	Qf3
9	Nf3	Ne7
10	h3	Bf5
11	Bb1	h6
12	Nb3	b6
13	Bf5	Nf5
14	Bd2	O-O
15	O-O	Re8
16	Rfe1	Rad8
17	Rod1	Nfe7
18	Nc1	Ng6
19	Nd3	Re4
20	g3	Rde8
21	kg2	Re1
22	Re1	Re1
23	Nde1	Kf8
24	Nc2	Ke7
25	Ne3	Ke6
26	b3	Nce7
27	c4	c6
28	Cd5	Cd5
29	Nc2	Kd7
30	Bb4	Bb4

	White	Black
31	Nb4	Kd6
32	Ae Nd3	Nc6
33	b4	Ke6
34	g4	Nge7
35	a3	f5
36	Kg3	Kf6
37	Kf4	f9
38	h9	Ng6
39	Ke3	Ke6
40	Nf4	Nf4
41	Kf4	Kf6
42	Ke3	g6
43	Nh2	h5
44	b5	Na5
45	Kf4	Nc4
46	g5	Ke6
47	a4	Nb2
48	Nf3	Nc4
49	Nh4	Kf7
50	Ng2	Ke6
51	Nh4	Kf7
52	f3	Kg7
53	Ng2	Kf7
54	Ne1	Ke6
55	Nd3	Kd6
56	Kg3	Ke6
57	Nf4	Kf5
58	Nd5	Kg5
59	f4 Ne7	Kf5
60	AL c6	Kf6

	White	Black
61	Nc6	Nb2
62	a5	Nc4
63	a6	Nd6
64	Na7	Ke6
65	Nc6	Nb5
66	Ne5	Kd5
67	Ng6	Kd4
68	Ne5	Ke4
69	Nc6	Kf5
70	Nd4	Kf5 Ke4
71	Nb5	Kf5
72	a7	Kf6
73	a8=Q	Kf5
74	Qd5	Kf6
75	Qe5	Kf7
76	Nd6	Kf8
77	Qe8	Kg7
78	Qf7	Kh8
79	Nf5	h4+
80	Kh4	b5

签名 Signature: Q97#

白方 White Enkh-Uyaga	黑方 Black Liu Tianyi
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter
刘天毅



第7轮, 第2局

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.06 轮次 Round: 7 台次 Board: 2

白方 White Enkh-Uyaga 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199

黑方 Black Liu TianYi 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 6

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	e6	ed
4	cd3	kcb
5	e3	qf6
6	qf3	ceb
7	ce3	cd6
8	kd2	pf3
9	kgf3	kgf7
10	h3	cf5
11	cb1	hb
12	kb3	bb
13	cf5	kf5
14	cd2	o-o
15	o-o	lfe8
16	lfe1	lad8
17	lad8	kfe7
18	ke1	kg6
19	kd3	ley
20	g3	lde8
21	kg2	le1
22	le1	le1
23	kb1	kpf8
24	ke2	kpe7
25	ke3	kpe6
26	b3	kce7
27	c4	cb
28	cd	cd
29	kc2	kpd7
30	cb4	cb4

	White	Black
31	kb4	kpd6
32	kd3	kcb
33	b4	kpe5
34	g4	kgf7
35	a3	f5
36	kpg3	kpf6
37	kpf4	fg
38	hg	kg6
39	kpe3	kpe6
40	kf4	xf4
41	kpf4	kpf6
42	kpe3	g6
43	kh2	h5
44	b5	kva5
45	kpf4	kc4
46	g5	kpe6
47	a4	kb2
48	kf3	ke4
49	kh4	kpf7
50	kg2	kpe6
51	kh4	kpf7
52	f3	kpg7
53	kpg2	kpf7
54	ke1	kpe6
55	kd3	kpd6
56	kpg3	kpe3
57	ke4	kpe5
58	kd5	kpg5
59	f4	kpe5
60	ke7	kpf6

	White	Black
61	ke6	kb2
62	a5	kc4
63	a6	kdb
64	ka7	kpe6
65	ccb	kb5
66	ke5	kpd5
67	kg6	kpd4
68	ke5	kpe4
69	kcb	kpe5
70	kd4	kpe4
71	kb5	kpe5
72	a7	kpe6
73	h8(Q)	pe5
74	pd5	kpe6
75	pe5	kpe7
76	kd6	kpe8
77	pe8	kpg7
78	pe7	kph8
79	kf5	h4
80	kph4	b6

签名 Signature: Pq7

白方 White Enkh-Uyaga	黑方 Black Liu Tian Yi
------------------------	----------------------------

裁判 Arbiter
刘自茹



第7轮 第3台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship




日期 Date: 2018/8/14 轮次 Round: 7 台次 Board: 3
 白方 White Enerel 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 黑方 Black Urangoo 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0

组别 Group 68

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31			61		
2	Mf3	d6	32			62		
3	d4	b6	33			63		
4	Tc4	Mf6	34			64		
5	Mg5	d5	35			65		
6	ed	Md5	36			66		
7	Mf7	Hf7	37			67		
8	gh7	Hg6	38			68		
9	ges	Hd7	39			69		
10	gd5	Hg8	40			70		
11	gA8	gC7	41			71		
12	gF3	Th7	42			72		
13	Th5	Mc6	43			73		
14	d5	Ag	44			74		
15	dC	Ab	45			75		
16	g6	gC5	46			76		
17	Tf3	Hd7	47			77		
18	0-0	Hc7	48			78		
19	Tf4	gd6	49			79		
20	Td6	Hd6	50			80		
21	g8(c6)	Hg6	51					
22	Tpe1	Hd7	52					
23	gf5	Hc6	53					
24	g6#		54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black <u>URANGOO</u>
---	----------------------------

裁判 Arbiter

刘白



第7组, 第3台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 07 台次 Board: 3
 白方 White Exere1 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 黑方 Black Urangoo 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
08

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31			61		
2		Nf3	32			62		
3	d4	b6	33			63		
4		b4	34			64		
5	Ng5	d5	35			65		
6		ed	36			66		
7	Nf7	Kf7	37			67		
8		Qd5	38			68		
9	Qe5	Kf7	39			69		
10		Qd5	40			70		
11	Qd3	Qe7	41			71		
12		Qf3	42			72		
13	Bb5	Nc6	43			73		
14		d5	44			74		
15	d4	a6	45			75		
16		c6	46			76		
17	Be3	Kf7	47			77		
18		Qd	48			78		
19	Bc4	Qd6	49			79		
20		Bd	50			80		
21	b8(Q)	Ke6	51					
22		Re	52					
23	Qd5	Kc6	53					
24		Qe6	54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White <i>Exere1</i>	黑方 Black <u>URANGOO</u>
---------------------------	----------------------------

裁判 Arbiter

刘自如



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/16/2018 轮次 Round: 7 台次 Board: 4
 白方 White: 陈雨菲 国籍 Federation: SGP 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: 郭诗然 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	kg2	d5	61		
2	Nf3	d6	32	Rd1	Rc7	62		
3	d4	Qd4	33	f3	Rcd7	63		
4	Nxd4	Nf6	34	Bf2	g5	64		
5	Nc3	g6	35	fxg5	hxg5	65		
6	Be3	b5	36	Rde2	Rf8	66		
7	a3	Bb7	37	Bd4	Bf6	67		
8	Bd3	Nbd7	38	Bxf6	Kxf6	68		
9	h3	Rc8	39	kg3	f4	69		
10	O-O	Ne5	40	kg2	Rde	70		
11	Nf3	Nc4	41	Rd2	exf3	71		
12	Bxc4	Rxc4	42	Kxf3	Rxc1	72		
13	Nd2	Rc8	43	Rxd5	Rf3	73		
14	Qe2	e6	44	kg2	Re2	74		
15	Rd1	Bd7	45	Kf1	Rxb2	75		
16	Rf1	O-O	46	Rd6	Re6	76		
17	Bg5	h6	47	Rd1	Rh2	77		
18	Bh4	Qc7	48	kg1	Rxh3	78		
19	Bg3	Qcb	49	Rc1	f3	79		
20	Nf3	e5	50	Kf2	Re2	80		
21	Rc1	Rfd8	51	kg1	Reh2			
22	Red1	Nxe4	52	Rf1	Rg2			
23	Nxe4	Qxe4	53					
24	Qxe4	Bxe4	54					
25	c3	Bxf3	55					
26	Qxf3	f5	56					
27	f4	e4	57					
28	Rd5	g6	58					
29	Rc1	Rc5	59					
30	Rd2	Kf7	60					

签名 Signature:

白方 White <u>陈雨菲</u>	黑方 Black <u>郭诗然</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘自茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.16 轮次 Round: 7 台次 Board: 4
 白方 White: yufe 国籍 Federation: SGP 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 郭诗然 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____

组别 Group
G8 KIF

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	db
3	d4	cd
4	Nd4	Nf6
5	Nc3	ab
6	Be3	b5
7	a3	Bb7
8	Bd3	Nbd7
9	h3	Rc8
10	oo	Ne5
11	Nf3	Nc4
12	Bc4	Rc4
13	Nd2	Re8
14	Qe2	e6
15	Rad1	Be7
16	Rfe1	oo
17	Bg5	h6
18	Bh4	Qc7
19	Bg3	Qc6
20	Nf3	e5
21	Rc1	Rfd8
22	Red1	Ne4
23	Ne4	Qe4
24	Qe4	Be4
25	c3	Bf3
26	Bf	f5
27	f4	e4
28	Rd5	g6
29	Rd1	Rc5
30	Rd2	Kf7

	White	Black
31	Kb2	d5
32	Re1	Re7
33	f3	Rcd7
34	Bf2	g5
35	f9	h9
36	dRe2	Re8
37	Bd4	Bf6
38	Bf6	Kf6
39	Kg3	f4+
40	Ke2	dRe7
41	Rd2	e1f
42	Kf3	Re1
43	Rd1	1Re3+
44	Kg2	Re2
45	Kf1	Rb2
46	Rd6	Re6
47	Rd1	Rh2
48	Kg1	Rh3
49	Re1	f3
50	Kf2	Re2
51	Kg1	eRh2
52	Rf1	Rg2 #
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 陈雨菲	黑方 Black 郭诗然
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘白茹



第7轮, 第5台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 5

白方 White 2221 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

黑方 Black 曾峻 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

组别 Group

G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	Nc6
3	Nc3	e5
4	d4	Nf6
5	Ng5	h6
6	Nf3	Be7
7	Be3	0-0
8	Be2	d5
9	0-0	d4
10	Bd2	dxc3
11	Bxc3	Bd6
12	h3	Nh7
13	Re1	Qc6
14	b3	Be7
15	Rb1	Qg6
16	Bf1	Bxh3
17	Rd2	Ng5
18	Nxg5	Qxg5
19	Re3	Bg4
20	Rg3	Bxd1
21	Rxg5	Bxg5
22	f3	Be3+
23	Kh1	Rf8
24	Rb1	Bxc2
25	Rc1	Rxc1
26	Kh2	Bf4+
27	Kh1	Bb1
28	Kg1	Bxa2
29	b4	Cxb4
30	Bb2	Be3+

	White	Black
31	Kh2	a5
32	Ba1	b3
33	d4	Nxd4
34	Bd3	Nc2
35	Bxc2	bxc2
36	b2	c1=Q
37	Bxc1	Bxc1
38	Kb1	Bc4
39	g3	a4
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 2221	黑方 Black 曾峻
裁判 Arbiter 刘白	



第7轮, 第5台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8月6日 轮次 Round: 7 台次 Board: 5
 白方 White Erkh Saran 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 曾谷欣 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	-	-
2	-	-
3	-	-
4	-	-
5	-	-
6	-	-
7	-	-
8	-	-
9	-	-
10	-	-
11	-	-
12	-	-
13	-	-
14	-	-
15	-	-
16	-	-
17	-	-
18	-	-
19	-	-
20	-	-
21	-	-
22	-	-
23	-	-
24	-	-
25	-	-
26	-	-
27	-	-
28	-	-
29	-	-
30	-	-

	White	Black
31	-	-
32	-	-
33	-	-
34	-	-
35	-	-
36	-	-
37	-	-
38	-	-
39	-	-
40	-	-
41	-	-
42	-	-
43	-	-
44	-	-
45	-	-
46	-	-
47	-	-
48	-	-
49	-	-
50	-	-
51	-	-
52	-	-
53	-	-
54	-	-
55	-	-
56	-	-
57	-	-
58	-	-
59	-	-
60	-	-

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Erkh Saran</u>	黑方 Black <u>曾谷欣</u>
-------------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘自芳



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 6
 白方 White: 解淳靖 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: 殷海秋 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: 0
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G5

	White	Black
1	d4	d5
2	e3	e6
3	Nc3	Nf6
4	Bd3	c5
5	Nf3	cd
6	ed	Bb4
7	Bd2	Nc6
8	Nb5 ag5	ag6
9	Bb4	Nb5
10	Nc3	o-o
11	o-o	Nc6
12	Ne5	Nd4
13	ae1	Nc6
14	Nc6	bc
15	b4	Qc7
16	Qe3	Qd6
17	b5	cb
18	a3	Bb7
19	Qb3	Qe5
20	Ne2	Qg5
21	Ng3	h6
22	Rfe1	Rf8g
23	Rae1	Rae8
24	Be2	Qg6
25	Bh9	Nh5
26	Nh5	Rc2
27	Qb4	Rc8
28	Rd1	Rc4
29	Nf4	Qf5
30	Rc1	Rf4

	White	Black
31	Qg3	Rg4
32	Qh3	d4
33	Rd1	Rg1
34	Qg2	Bg2
35	kg2	Qg4
36	kf1	e7
37	Rc1	f6
38	Rd1	Rc8
39	Rb1	Rc2
40	Rae1	Qf2
41	Rbd1	Qf2#
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>解淳靖</u>	黑方 Black <u>殷海秋</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘白

